

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-ST

Ngày: 19-10-2021.

“V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh.
2. Ông Nguyễn Hồng Thor.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong các ngày 12/10, 19/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 268/2021/TLST-DS ngày 23/4/2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2021/QĐXXST-DS ngày 22/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 47, Tổ MC, ấp HK, xã HA, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Dương Minh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 723, đường CM, Tổ S, Ấp M, xã MT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1979.
2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Số nhà 548, đường TVH, Tổ HM, Khóm H, Phường S, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Dương Minh T đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ông T có cho vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

1. Ngày 14/7/2020, ông T có cho vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 250.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chỉ có bà T ký tên vào biên nhận, thời hạn vay là 10 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, mục đích vay là để làm ăn, cho vay lại và đáo hạn Ngân hàng.

2. Ngày 28/9/2020, ông T tiếp tục cho vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 200.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chỉ có bà T ký tên vào biên nhận, thời hạn vay là 10 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, mục đích vay là để làm ăn, cho vay lại và đáo hạn Ngân hàng.

3. Ngày 21/11/2020, ông T tiếp tục cho vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 200.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chỉ có bà T ký tên vào biên nhận, thời hạn vay là 10 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, mục đích vay là để làm ăn, cho vay lại và đáo hạn Ngân hàng.

4. Ngày 11/01/2021, ông T tiếp tục cho vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 150.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chỉ có bà T ký tên vào biên nhận, thời hạn vay là 10 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, mục đích vay là để làm ăn, cho vay lại và đáo hạn Ngân hàng.

5. Ngày 25/01/2021, ông T tiếp tục cho vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 250.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chỉ có bà T ký tên vào biên nhận, thời hạn vay là 10 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, mục đích vay là để làm ăn, cho vay lại và đáo hạn Ngân hàng.

6. Ngày 26/01/2021, ông T tiếp tục cho vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 300.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chỉ có bà T ký tên vào biên nhận, thời hạn vay là 10 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, mục đích vay là để làm ăn, cho vay lại và đáo hạn Ngân hàng.

7. Ngày 01/02/2021, ông T tiếp tục cho vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 100.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chỉ có bà T ký tên vào biên nhận, thời hạn vay là 10 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, mục đích vay là để làm ăn, cho vay lại và đáo hạn Ngân hàng.

8. Ngày 02/02/2021, ông T tiếp tục cho vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 500.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng chỉ có bà T ký tên vào biên nhận, thời hạn vay là 10 ngày, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, mục đích vay là để làm ăn, cho vay lại và đáo hạn Ngân hàng. Tổng cộng vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 1.950.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, ông T có yêu cầu vợ chồng bà T và ông T trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bà T và ông T nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả nợ cho ông T, cố tình né tránh. Từ ngày vay tiền đến nay, vợ chồng bà T và ông T chưa có lần nào trả cho ông T tiền vốn.

Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn T yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T trả cho ông số tiền vốn vay là 1.950.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 02/02/2021 đến ngày 02/3/2021 là: 01 tháng x 0,83%/tháng x 1.950.000.000 đồng = 16.186.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.966.185.000 đồng và yêu cầu tính lãi (từ tháng 3/2021) cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa, ông Dương Minh T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho ông T số tiền vốn vay là 1.871.490.000 đồng, nguyên nhân là do sau khi vay tiền vợ ông bà T và ông T có trả cho nguyên đơn tổng số tiền lãi là 78.510.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trừ vào tiền vốn; đồng thời không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

Tại tờ xin vắng không ngày tháng năm, ông Nguyễn Văn T (chồng bà T) trình bày: Việc bà T vay tiền của nguyên đơn, ông hoàn T không biết. Trước đây, bà T có vay tiền của bà Trân (cháu ông T nguyên đơn), do bà T không có khả năng đóng lãi cho bà Trân nên mượn tiền của ông T (nguyên đơn) với lãi suất 12%/tháng để trả lãi cho bà Trân. Cho nên, ông T (nguyên đơn) kiện bà T yêu cầu trả số tiền trên là không đúng luật do bà T đã trả tiền lãi cho ông T từ năm 2019 đến nay đã vượt tiền gốc. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên ông T (chồng bà T) xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 08/7/2021.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Ngọc T nhưng bà Võ Thị Ngọc T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1980) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1981) có địa chỉ tại

Phường 6, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1981) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1980) yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1981) liên đới trả cho ông T số tiền 1.950.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 02/02/2021 đến ngày 02/3/2021 là: 01 tháng x 0,83%/tháng x 1.950.000.000 đồng = 16.186.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.966.185.000 đồng và yêu cầu tính lãi (từ tháng 3/2021) cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa, ông Dương Minh T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 1.871.490.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Đồng thời, đại diện nguyên đơn đã xuất trình các biên nhận bản chính có chữ ký của bà T, vay số tiền 1.950.000.000 đồng.

Căn cứ vào các biên nhận bản chính và mặt sau của biên nhận thể hiện bị đơn có trả tiền cho nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Biên nhận ngày 14/7/2020, số tiền vay 250.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng nhưng thỏa thuận 10 ngày trả một lần, mỗi ngày là 166.000 đồng x 220 ngày, bị đơn đã trả 22 lần tiền lãi, tổng số tiền là 36.520.000 đồng.

- Biên nhận ngày 28/9/2020, số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng nhưng thỏa thuận 10 ngày trả một lần, mỗi ngày 133.000 đồng x 140 ngày, bị đơn đã trả 14 lần tiền lãi, tổng số tiền là 18.620.000 đồng.

- Biên nhận ngày 21/11/2020, số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng nhưng thỏa thuận 10 ngày trả một lần, mỗi ngày 133.000 đồng x 90 ngày, bị đơn đã trả 09 lần tiền lãi, tổng số tiền là 11.970.000 đồng. Ngoài ra, biên nhận có ghi nội dung “Út Thủy 50, ông Tư 150, ngày 15/11 200.000.000 chị Hằng, ngày 21/11 300.000.000 Hai Hùng” nhưng nguyên đơn cho rằng bà T viết nội dung gì nguyên đơn không biết.

- Biên nhận ngày 11/01/2021, số tiền vay 150.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng nhưng thỏa thuận 10 ngày trả một lần, bị đơn đã trả 04 lần tiền lãi, lần thứ nhất nhận 1.000.000 đồng, lần thứ hai nhận 1.000.000 đồng, lần thứ ba nhận 600.000 đồng, lần thứ tư nhận 600.000 đồng, tổng số tiền là 3.200.000 đồng.

- Biên nhận ngày 25/01/2021, số tiền vay 250.000.000 đồng, bị đơn đã trả 02 lần tiền lãi, mỗi lần 1.000.000 đồng, tổng số tiền là 2.000.000 đồng.

- Biên nhận ngày 26/01/2021, số tiền vay 300.000.000 đồng, bị đơn đã trả 02 lần tiền lãi, mỗi lần 1.200.000 đồng, tổng số tiền là 2.400.000 đồng.

- Biên nhận ngày 01/02/2021, số tiền vay 100.000.000 đồng, bị đơn đã trả 02 lần tiền lãi, mỗi lần 400.000 đồng, tổng số tiền là 800.000 đồng.

- Biên nhận ngày 02/02/2020, số tiền vay 500.000.000 đồng, bị đơn đã trả 01 lần tiền lãi, số tiền là 3.000.000 đồng. Đại diện nguyên đơn cho rằng thực tế vay ngày 02/02/2021 nhưng do viết nhầm ngày 02/02/2020 nên nguyên đơn cũng đồng ý ngày 02/02/2020.

Tổng số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 78.510.000 đồng

Ông Dương Minh T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận vào tiền vốn vay, cụ thể: 1.950.000.000 đồng - 78.510.000 đồng = 1.871.490.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.871.490.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bà Võ Thị Ngọc T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T không có văn bản ý kiến là có vay tiền của ông T (nguyên đơn) hay không, cũng như đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay bà T không chứng minh được mình không có vay tiền của nguyên đơn. Đối với ông T (chồng bà T) thì có trình bày ý kiến tại tờ xin vắng cho rằng ông T (nguyên đơn) cho bà T vay tiền với lãi suất 12%/tháng, bà T trả tiền lãi cho ông T (nguyên đơn) nhiều hơn tiền vốn đã vay và ông T (chồng bà T) có cung cấp các giấy ghi tiền lãi từ tháng 5/2019 đến tháng 4/2020 nhưng không thể hiện trả tiền lãi cho biên nhận nào và cũng không có chữ ký của người nhận tiền lãi. Hơn nữa, các biên nhận do bà T viết vay tiền của ông T (nguyên đơn) từ tháng 7/2020 đến tháng 02/2021 nên lời trình bày của ông T (chồng bà T) là chưa có cơ sở xem xét.

Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận và lời trình bày của ông T (chồng bà T) thể hiện bà T có vay của ông T (nguyên đơn) và đã trả được số tiền lãi là 78.510.000 đồng; nguyên đơn cũng thừa nhận có nhận số tiền lãi 78.510.000 đồng của bị đơn, đồng ý trừ vào tiền vốn và không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà T và chồng là ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1981) có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ cho nguyên đơn do bà T vay tiền để làm vốn mua bán, cho người khác vay lại để lấy tiền lãi sử dụng chung trong gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại tờ xin vắng không ngày tháng năm, ông T (chồng bà T) cho rằng việc bà T vay tiền của nguyên đơn ông hoàn T không biết nhưng ông lại cho rằng bà T vay tiền của ông T trả cho bà Trân với lãi suất 12%/tháng, điều này chứng tỏ ông T (chồng bà T) đã biết việc bà T có vay tiền của ông T (nguyên đơn). Hơn nữa, các ông bà Võ Thị Bé Ngoan, Đào Minh Thùy, Đặng Kim Hậu là những người làm chứng đều xác nhận vợ chồng bà T và ông T cùng kinh doanh rau củ tại chợ Cao Lãnh, có vay tiền của ông T, bà Trân và ông Sang để làm vốn mua bán, cho người khác vay lại để lấy tiền lãi sử dụng chung nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Đồng thời, ông T (chồng bà T) và bà T vẫn

còn sống chung từ thời điểm vay tiền đến nay nên có căn cứ buộc ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1981) liên đới với bà T trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thị Ngọc T và chồng là ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1981) có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1980) tiền vốn vay là 1.871.490.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, ông Dương Minh T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà T và chồng là ông T có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông T (nguyên đơn) được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1980).

Buộc bà Võ Thị Ngọc T và chồng là ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1981) có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1980) số tiền vốn vay 1.871.490.000 đồng (*một tỷ tám trăm bảy mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc T và chồng là ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1981) có trách nhiệm liên đới chịu 68.144.700 đồng (*sáu mươi tám triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1980) được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 35.493.000 đồng (*ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn*) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007989 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh